

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/KDTM-ST

Ngày: 10-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 215/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH vật liệu mới Y Việt Nam; địa chỉ: Số 054 đường ĐT746, tổ 6, khu phố N, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A04 36 Tòa nhà L, đường Th, phường G, thành phố A, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/11/2024). Xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH B; địa chỉ: Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 32, khu phố 6, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972; địa chỉ liên hệ: 286 Nguyễn Văn N, phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí

Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 12/12/2024).
Xin vâng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Trong năm 2024, Công ty TNHH vật liệu mới Y Việt Nam (viết tắt Công ty Y) bán hàng hóa là các sản phẩm chỉ viền PVC cho Công ty TNHH B (viết tắt Công ty B). Hai bên thỏa thuận mua bán hàng hóa nhưng không lập hợp đồng mà căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bên mua, giá theo báo giá bên bán, giao hàng đến kho của bên mua. Theo thỏa thuận Công ty B có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo phiếu giao hàng và các hóa đơn tài chính từ ngày xuất hóa đơn.

Công ty Y đã giao hàng hóa có lập phiếu giao hàng và xuất hóa đơn tài chính cụ thể như sau:

Hóa đơn số 84 ngày 27/4/2024 là 499.184.618 đồng;
Hóa đơn số 133 ngày 31/5/2024 là 64.055.880 đồng;
Hóa đơn số 182 ngày 05/7/2024 là 246.201.701 đồng;
Hóa đơn số 192 ngày 24/7/2024 là -3.559.680 đồng;
Hóa đơn số 223 ngày 31/7/2024 là 126.353.870 đồng;
Hóa đơn số 230 ngày 09/8/2024 là -19.064.100 đồng;
Hóa đơn số 231 ngày 09/8/2024 là 346.620 đồng.
Tổng cộng: 913.518.909 đồng.

Tuy nhiên, Công ty B đã không thanh toán đầy đủ tiền như đã thỏa thuận. Công ty B có văn bản xác nhận còn nợ 684.518.901 đồng cam kết thanh toán 334.240.490 đồng ngày 25/11/2024 và 350.278.411 đồng ngày 25/12/2024 nhưng vẫn không thực hiện.

Vì vậy, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho Công ty TNHH vật liệu mới Y Việt Nam 751.093.489 đồng trong đó: Nợ gốc 684.518.901 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 1%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/4/2025 là 66.574.588 đồng cụ thể:

Hóa đơn số 84 ngày 27/4/2024 còn nợ 270.184.610 đồng x 1%/tháng x 11 tháng là 29.720.307 đồng;

Hóa đơn số 133 ngày 31/5/2024 là 64.055.880 đồng x 1%/tháng x 10 tháng là 6.405.558 đồng;

Hóa đơn số 182 ngày 05/7/2024 là 242.642.021 đồng x 1%/tháng x 9 tháng là 21.837.782 đồng;

Hóa đơn số 223 ngày 31/7/2024 còn nợ 107.636.390 đồng x 1%/tháng x 8 tháng là 8.610.911 đồng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Trong năm 2024, bị đơn có đặt hàng hóa là chỉ viên PVC từ nguyên đơn để sản xuất hàng hóa. Nguyên đơn đã giao hàng và xuất hóa đơn cho bị đơn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 cụ thể như sau:

Ngày 28/3/2024 hóa đơn số NK03.011 tiền hàng 109.163.160 đồng;

Ngày 27/4/2024 hóa đơn số NK04.016 tiền hàng 499.184.618 đồng;

Ngày 31/5/2024 hóa đơn số NK05.028 tiền hàng 64.055.880 đồng;

Ngày 30/6/2024 hóa đơn số NK07.006 tiền hàng 246.201.701 đồng;

Ngày 24/7/2024 hóa đơn số NK07.008 tiền hàng -3.559.680 đồng;

Ngày 31/7/2024 hóa đơn số NK07.039 tiền hàng 107.636.390 đồng.

Tổng cộng: 1.022.682.069 đồng.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 338.163.168 đồng, còn nợ 684.518.901 đồng. Bị đơn đồng ý trả tiền nợ gốc 684.518.901 đồng. Đối với tiền lãi 1%/tháng, bị đơn không đồng ý vì các bên không thỏa thuận lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH vật liệu mới Y Việt Nam khởi kiện Công ty TNHH B liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH B có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày, hai bên có thỏa thuận mua bán hàng hóa là chỉ viên PVC. Nguyên đơn giao hàng hóa, xuất hóa đơn và bị đơn nhận hàng, thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn. Hai bên đã đối chiếu tiền hàng bị đơn còn nợ là 684.518.901 đồng và bị đơn đồng ý thanh toán tiền nợ gốc trên nên yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán số tiền hàng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ gốc theo mức lãi là 12%/năm thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 12,8%/năm đến 14,1%/năm. Hai bên không thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 50, 55, 306 của Luật Thương mại.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH vật liệu mới Y Việt Nam đối với Công ty TNHH B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể như sau:

Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH vật liệu mới Y Việt Nam 751.093.489 đồng (Bảy trăm năm mươi một triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng).

Trong đó: nợ gốc 684.518.901 đồng (Sáu trăm tám mươi bốn triệu năm trăm mười tám nghìn chín trăm lẻ một đồng) và nợ lãi 66.574.588 đồng (Sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH B phải chịu án phí sơ thẩm là 34.043.739 đồng (Ba mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng).

2.2. Công ty TNHH vật liệu mới Y Việt Nam không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.699.534 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng) theo biên lai số 0004695 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THA Dân sự thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thâm